

Số: 29/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 16/6/2023

*V/v “Ly hôn và tranh chấp
nuôi con”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH – TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hồ Thị Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Kim Phụng

2. Bà Phan Thị Ngọc Loan

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Kỷ – Thư ký Toà án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà: Ông Cao Thanh Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 16/6/2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 160/2023/TLST-HNGĐ ngày 10/5/2023 về việc “*Xin ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Bà Nguyễn Thị B**, sinh năm: 1997 (có mặt)

Địa chỉ: ấp 6, xã A, huyện N, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Ông **Vương Đình Đ**, sinh năm: 1974 (có mặt)

Địa chỉ: ấp 6, xã A, huyện N, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự và tại phiên toà, nguyên đơn bà Nguyễn Thị B trình bày: Bà Nguyễn Thị B và ông Vương Đình Đ tự nguyện sống chung với nhau từ năm đầu năm 2019 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trước khi sống chung chúng tôi tìm hiểu nhau khoảng 06 tháng. Khi về sống chung, vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, vợ chồng hay cãi vã nhau nên cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Nay bà B nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục sống chung được nữa nên bà B xin được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Vương Đình K, sinh ngày 09/8/2019. Khi ly hôn bà B xin nuôi con, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con. Ngoài ra bà B và ông Đ không có con nuôi và hiện tại bà B không có thai.

Về tài sản chung: Bà B và ông Đ tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết

Về nợ: Bà B và ông Đ không nợ ai, không ai nợ lại bà B và ông Đ nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Theo biên bản ghi lời khai và tại phiên toà, bị đơn ông Vương Đình Đ trình bày: Bà B và ông Đ chung sống với nhau từ năm đầu năm 2019 nhưng không có đăng ký kết hôn. Khi về sống chung, vợ chồng sống hạnh phúc trong thời gian đầu, sau đó thường phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm, vợ chồng hay cãi vã nhau nên cuộc sống hơn nhân không còn hạnh phúc Nay bà B xin ly hôn thì ông Đ đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Vương Đình K, sinh ngày 09/8/2019. Khi ly hôn bà B xin nuôi con, thì ông Đ đồng ý giao con cho bà B nuôi dưỡng. Ngoài ra bà B và ông Đ không có con nuôi và hiện tại bà B không có thai.

Về tài sản chung: Bà B và ông Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết

Về nợ: Bà B và ông Đ không nợ ai, không ai nợ lại bà B và ông Đ nên không yêu cầu Toà án giải quyết

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh tại phiên toà:

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh không có kiến nghị gì về tố tụng.

- Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B

+ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị B và ông Vương Đình Đ là vợ chồng.

+ Về con chung: Bà B nuôi con chung tên Vương Đình K, sinh ngày 09/8/2029. Bà B không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Bà B và ông Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

+ Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị B có đơn khởi kiện tại Toà án nhân dân huyện Lộc Ninh yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Vương Đình Đ. Ông Đ cư trú tại xã Lộc An, huyện Lộc Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Lộc Ninh theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị B và ông Vương Đình Đ sống năm 2019 nhưng không đăng ký kết hôn. Khi về chung sống thì bà B và ông Đ thường phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, hay cãi vã nhau. Quá trình chung sống tuy có đủ điều kiện nhưng bà B và ông Đ vẫn không đăng ký kết hôn. Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định *“Nam, nữ có điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”*. Như vậy việc bà B và ông Đ chung sống với nhau từ năm 2019, nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình. Tại khoản 2 điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này...”*. Vì vậy Hội đồng xét xử không công nhận bà Nguyễn Thị B và ông Vương Đình Đ là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Bà B và ông Đ có một con chung là Vương Đình K, sinh ngày 09/8/2019. Khi ly hôn bà B và ông Đ đều thống nhất giao con cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy cần giao con chung tên Vương Đình K cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản. Quá trình giải quyết vụ án, ông Vương Đình Đ có yêu cầu chia tài sản chung, tuy nhiên ngày 01/6/2023 ông Đ có đơn xin rút yêu cầu để bà B và ông Đ tự thỏa thuận với nhau. Xét việc ông Đ rút đơn là tự nguyện nên được chấp nhận. Do bà B và Đức không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ: Bà B và ông Đ không nợ ai, không ai nợ lại.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh tại phiên toà là phù hợp nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy bà B phải chịu số tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015;

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 217 và Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị B:

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Thị B và ông Vương Đình Đ là vợ chồng.

- Về con chung: Bà B nuôi con chung tên Vương Đình K, sinh ngày 09/8/2029.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Bà B và ông Đ tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn của bị đơn ông Vương Đình Đ.

2. Về án phí:

- Bà B chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh theo biên lai thu tiền số 0010462 ngày 10/5/2023.

- Chi cục thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh trả lại cho ông Vương Đình Đ số tiền 6.687.500đ (Sáu triệu sáu trăm tám mươi bảy ngàn năm trăm đồng) ông Đ đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0010496 ngày 26 tháng 5 năm 2023.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Lộc Ninh;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- *THA DS huyện Lộc Ninh;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

Hồ Thị Oanh